

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân.
2. Ông Nguyễn Hoàng Nam.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Ngọc Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Th, huyện B, tỉnh Long An.

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1967.

2.2. Bà Lê Thị Kh, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Th, huyện B, tỉnh Long An.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Th, huyện B, tỉnh Long An.

3.2. Ông Phan Phước B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà Th, bà Kh, bà H có mặt; ông Anh, ông B có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 31/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Dương Thị Ngọc Th trình bày:*

Bà và vợ chồng Ông Nguyễn Văn A, Bà Lê Thị Kh là chỗ quen biết nhau do cùng địa phương nên bà có cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn A, Bà Lê Thị Kh vay tiền 04 lần, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, cụ thể: Lần 1 (ngày 09/7/2020): vay 570.000.000 đồng, lần 2: vay 500.000.000 đồng, lần 3: vay 400.000.000 đồng, lần 4: vay 230.000.000 đồng; Tổng số tiền vay là 1.700.000.000 đồng, trong các lần vay tiền thì chỉ có lần vay ngày 09/7/2020 hai bên có làm giấy mượn tiền, các lần vay còn lại thì không có làm giấy nợ. Đến ngày 04/11/2021 ông A có lập “Tờ cam kết” hạn đến ngày 09/11/2021 sẽ trả số tiền 1.700.000.000 đồng.

Từ khi vay, vợ chồng ông Anh, bà Kh không hoàn trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà. Đến hạn bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Anh, bà Kh trả nợ nhưng vợ chồng ông Anh, bà Kh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Anh, bà Kh có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,12%/tháng từ ngày 10/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

*Theo biên bản hòa giải ngày 25/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Bà Lê Thị Kh trình bày:*

Bà và Ông Nguyễn Văn A là vợ chồng.

Vợ chồng bà và Bà Dương Thị Ngọc Th là chỗ quen biết. Ngày 09/7/2020 vợ chồng bà cùng con là Nguyễn Thị Ngọc Hiền có đến nhà Bà Th để vay số tiền là 550.000.000 đồng để vợ chồng bà đáo nợ Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 10 ngày là 50.000.000 đồng, thực tế vợ chồng bà chỉ nhận 500.000.000 đồng vì trừ tiền lãi là 50.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã trả lãi cho Bà Th được nhiều lần, trong đó có lần bà và con của bà là Nguyễn Thị Ngọc Hiền trả cho Bà Th và ông Phan Phước Bình số tiền lãi là 350.000.000 đồng, tổng cộng số tiền lãi đã trả là 1.028.000.000 đồng, việc trả lãi không có làm giấy tờ. Do làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng bà không còn khả năng trả lãi cho Bà Th, từ đó Bà Th tính lãi vào số tiền gốc tổng cộng là 1.700.000.000 đồng. Sau đó Bà Th yêu cầu chồng bà là Ông Nguyễn Văn A ký tên vào “Tờ cam kết” là có vay của Bà Th số tiền 1.700.000.000 đồng, chữ ký trong “Tờ cam kết” ngày 04/11/2021 là do chồng bà Ông Nguyễn Văn A ký tên nhưng chồng bà là ông A không đọc rõ nội dung trong “Tờ cam kết” này, vì Bà Th nói ông A ký tên để làm tin với người đưa tiền cho Bà Th.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của Bà Th thì bà không đồng ý, vì số tiền 1.700.000.000 đồng mà Bà Th yêu cầu vợ chồng bà trả là gồm tiền gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi. Vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho Bà Th số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng, vợ chồng bà không đồng ý trả lãi nữa vì vợ chồng bà đã trả lãi cho Bà Th rất nhiều. Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà xin trả dần số tiền gốc 550.000.000 đồng theo phương thức: 03 tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 550.000.000 đồng.

*Theo biên bản hòa giải ngày 25/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Bà là con của Ông Nguyễn Văn A và Bà Lê Thị Kh .

Ngày 09/7/2020 ông A và bà Kh có mượn của Bà Th số tiền 550.000.000 đồng dùm bà, nhưng trừ lãi trước là 50.000.000 đồng, nên bà còn nhận số tiền là 500.000.000 đồng. Bà và bà Kh đã trả lãi cho Bà Th số tiền là 1.028.000.000 đồng, việc trả lãi không có làm giấy tờ. Do công việc làm ăn của bà gặp khó khăn nên bà không còn khả năng trả lãi cho Bà Th nữa. Nay bà thống nhất ý kiến của bà Kh và bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Phước Bình trình bày:*

Ông và Bà Dương Thị Ngọc Th có mối quan hệ quen biết.

Trước đây Bà Th có đứng ra bảo lãnh cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H nhiều lần mượn tiền của ông. Do đó, bà H nhiều lần trả tiền cho ông, trong đó có lần bà H trả cho ông số tiền 350.000.000 đồng, số tiền 350.000.000 đồng là số tiền nợ bà H mượn và trả cho ông chứ không phải tiền lãi, khi bà H trả tiền cho ông thì có Bà Th chứng kiến. Ông xác định đây là việc mượn tiền giữa ông và bà H , không liên quan đến việc mượn tiền giữa Bà Th và bà H . Trong vụ án này, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do ông bận công việc nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn Ông Nguyễn Văn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Phước Bình có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Dương Thị Ngọc Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông A và bà Kh liên đới trả cho Bà Th số tiền nợ gốc 1.700.000.000 đồng, Bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tính lãi từ ngày 10/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn Bà Lê Thị Kh , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Ngọc H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Bà Th . Ông A và ông B có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 85 và 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nguyên đơn Bà Dương Thị Ngọc Th yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Văn A, Bà Lê Thị Kh có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền gốc vay là 1.700.000.000 đồng, thay đổi một phần yêu cầu về tiền lãi theo mức lãi suất pháp

luật quy định tính từ ngày 10/11/2021 đến ngày 24/8/2022 và yêu cầu Tòa án giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2022 để đảm bảo thi hành án. Bị đơn Ông Nguyễn Văn A có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn Bà Lê Thị Kh và Bà Nguyễn Thị Ngọc H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do ông A có ký giấy mượn tiền ngày 09/7/2020 để vay số tiền 570.000.000 đồng nhưng thực tế số tiền vay là 550.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng là tiền nợ hui, do Bà Th tính cộng gốc và lãi thành số tiền 1.700.000.000 đồng và yêu cầu ông A ký nhận; ông A có ký “Tờ cam kết” ngày 04/11/2021 nhưng không có đọc lại nội dung; nay bà Kh đồng ý trả số tiền gốc vay 550.000.000 đồng nhưng xin trả dần theo phương thức: 03 tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 550.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự thì có đủ cơ sở để xác định Ông Nguyễn Văn A có ký “Tờ cam kết” lập ngày 04/11/2021, với nội dung thể hiện là ông A có mượn của Bà Th số tiền tổng cộng là 1.700.000.000 đồng, không có ghi lãi suất; thời hạn trả là ngày 09/11/2021. Tại phiên tòa, bị đơn bà Kh và người liên quan bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông Anh, bà Kh chỉ vay của Bà Th số tiền gốc vay là 550.000.000 đồng và số tiền lãi đã trả tổng cộng là 1.028.000.000 đồng, trong khi đó Bà Th không thừa nhận. Như vậy, có căn cứ để xác định ông Anh, bà Kh có vay của Bà Th tổng cộng là 1.700.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền lãi vay. Xét thấy, ông Anh, bà Kh vay tiền nhưng không thực hiện việc trả tiền nợ cho Bà Th đúng thời hạn như thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, Bà Th cũng không chấp nhận việc cho trả nợ dần, các quy định pháp luật hiện nay cũng không có quy định.

Về tiền lãi: Do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì mức lãi suất trong trường hợp này cần áp dụng 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Bà Th về việc tranh chấp số tiền gốc vay 1.700.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức để đảm bảo thi hành án. Căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Dương Thị Ngọc Th .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Bà Dương Thị Ngọc Th khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Văn A và Bà Lê Thị Kh liên đới trả số tiền nợ gốc 1.700.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Bị đơn Ông Nguyễn Văn A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Phước Bình có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của Bà Th yêu cầu ông Anh, bà Kh phải liên đới trả số tiền nợ vay. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào “Tờ cam kết” ngày 04/11/2021 do Bà Th cung cấp thể hiện ông A có mượn của Bà Th số tiền 1.700.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 09/11/2021, nên giữa Bà Dương Thị Ngọc Th và Ông Nguyễn Văn A đã xác lập hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà Th xác định sau khi mượn tiền, ông Anh, bà Kh không trả bất kỳ khoản tiền lãi nào, đến hạn trả tiền nhưng ông Anh, bà Kh vẫn không trả số tiền 1.700.000.000 đồng. Bà Kh cho rằng vợ chồng bà có vay của Bà Th số tiền 550.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ nhận 500.000.000 đồng vì trừ tiền lãi là 50.000.000 đồng, vợ chồng bà đã trả lãi cho Bà Th nhiều lần, trong đó có lần bà và con của bà là Nguyễn Thị Ngọc Hiền trả cho Bà Th và ông Phan Phước Bình số tiền lãi là 350.000.000 đồng, tổng cộng số tiền lãi đã trả là 1.028.000.000 đồng, việc trả lãi không có làm giấy tờ; do làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng bà không còn khả năng trả lãi cho Bà Th, từ đó Bà Th tính lãi vào số tiền gốc tổng cộng là 1.700.000.000 đồng. Lời trình bày của bà Kh không được Bà Th thừa nhận, bà Kh không có tài liệu chứng cứ chứng minh có việc trả lãi với số tiền là 1.028.000.000 đồng và việc nhập số tiền lãi vào số tiền nợ gốc tổng cộng là 1.700.000.000 đồng. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Phước Bình xác định Bà Nguyễn Thị Ngọc H nhiều lần mượn và trả tiền cho ông, trong đó có lần bà H trả cho ông số tiền 350.000.000 đồng, số tiền 350.000.000 đồng là số tiền nợ bà H mượn và trả cho ông chứ không phải tiền lãi, đây là việc mượn tiền giữa ông và bà H, không liên quan đến việc mượn tiền giữa Bà Th và bà H. Do đó, lời trình bày của bà Kh không có cơ sở xem xét. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc vay nợ nêu trên. Căn cứ “Tờ cam kết” ngày 04/11/2021 thể hiện chữ ký của Ông Nguyễn Văn A về việc mượn số tiền 1.700.000.000 đồng. Bà Kh xác định ông A có ký tên vào “Tờ cam kết” ngày 04/11/2021. Sự thừa nhận của bà Kh có đủ căn cứ xác định hiện ông Anh, bà Kh còn nợ Bà Th số tiền 1.700.000.000 đồng, ông A bà Kh không hoàn trả số tiền trên cho Bà Th là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của Bà Th là có căn cứ nên được chấp nhận, ông A và bà Kh phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Bà Th theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về tiền lãi: Bà Th xác định Bà Th và vợ chồng ông Anh, bà Kh thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, sau khi mượn tiền vợ chồng ông Anh, bà Kh không trả

cho Bà Th bắt kỳ khoản tiền lãi nào. Bà Kh cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 10 ngày là 50.000.000 đồng, bà đã trả lãi cho Bà Th nhiều lần. Lời trình bày của bà Kh không được Bà Th thừa nhận, bà Kh không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh số tiền lãi mà bà và ông A đã trả cho Bà Th nên không có căn cứ xem xét về số tiền trả lãi của ông A và bà Kh. Tại phiên tòa, Bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 04/11/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Xét yêu cầu tính lãi của Bà Th: Do ông A và bà Kh vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu trả tiền lãi của Bà Th là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tuy nhiên, do Bà Th và bà Kh không thống nhất về lãi suất nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tiền lãi được tính từ ngày 04/11/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2022 là:  $1.700.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% / \text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 133.574.666 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền gốc và lãi ông A và bà Kh phải liên đới trả cho Bà Th là 1.833.574.666 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức để bảo đảm thi hành án.

[3] Về án phí: Buộc Ông Nguyễn Văn A và Bà Lê Thị Kh phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải hoàn trả cho Bà Dương Thị Ngọc Th theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể:  $36.000.000 \text{ đồng} + (1.033.574.666 \text{ đồng} \times 3\%) = 67.007.239 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị Ngọc Th đối với Ông Nguyễn Văn A, Bà Lê Thị Kh về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc Ông Nguyễn Văn A và Bà Lê Thị Kh phải liên đới trả cho Bà Dương Thị Ngọc Th số tiền 1.833.574.666 đồng (Một tỷ tám trăm ba mươi ba triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Nguyễn Văn A và Bà Lê Thị Kh phải liên đới chịu 67.007.239 đồng.

Hoàn trả cho Bà Dương Thị Ngọc Th số tiền 39.523.200 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008723 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thu Thảo**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Ân**

**Nguyễn Hoàng Nam**

**Phan Thu Thảo**